



# Mẹ Và Mùa Xuân

*Mẹ Và Mùa Xuân*

Thấm thoát lại hết một năm nữa rồi, thời gian trôi nhanh quá! Mùa Giáng Sinh vừa đi qua là mùa Tết đã sửa soạn bước đến bên thềm dưới bầu trời đông lạnh giá. Từ ngày định cư ở Mỹ cho đến nay, tôi không có dịp nào để đón Tết nữa. Tôi chỉ nhìn thấy Tết qua những trang báo, những hình ảnh trên computer, những video nhạc về xuân. Tết chỉ còn là kỷ niệm đọng mãi trong ký ức tôi với những hoài niệm về thời niên thiếu xa xưa vui xuân bên cha mẹ, anh em trong cuộc sống đầy đủ. Nhắc đến Tết lúc nào tôi cũng nhớ đến mẹ tôi, người đã chuẩn bị cả mấy tháng trời để mang đến một niềm vui trọn vẹn cho gia đình, từ chuẩn bị may những bộ quần áo mới cho chồng và các con, đến việc dọn dẹp nhà cửa, chuẩn bị thức ăn cho ba ngày Tết. Công việc bếp núc càng bận rộn hơn, nào là gói bánh chưng, làm giò thủ, làm kiệu, ngâm hành, muối dưa, sên mứt, kho thịt... Và tôi cũng phải luôn tay phụ việc bên mẹ trong những giai đoạn sắp xếp gói bánh như rửa lá dong, chẻ lạt, giã đậu xanh, thái thịt... Những ngày xuân vui ấy không kéo dài được bao lâu khi cuộc chiến tranh Nam Bắc vừa tàn trên đất nước, cũng là lúc tôi vừa bước vào tuổi thiếu nữ chứng kiến bao nhiêu bi kịch trong gia đình và sự thảm hại

của những cái Tết nghèo đói, nhất là những ngày Tết đã không còn mẹ vẫn làm nhưc nhối trái tim tôi.

Tính đến mùa xuân năm nay thì mẹ tôi đã ra đi hơn ba mươi ba năm rồi! Ba mươi ba năm có biết bao thay đổi trong cuộc đời của mỗi một người. Cùng với sự thay đổi, lớp bụi năm tháng thi nhau phủ đầy lên ký ức làm nhạt nhòa không ít những chuyện xưa cũ. Có một chuyện đã trở thành bất tử từ nhiều thế hệ này qua thế hệ khác mà không ai có thể quên lãng, chối bỏ, hay phủ nhận. Câu chuyện bình thường quanh đời sống gia đình lại rất phi thường, còn được ca ngợi trong mọi lĩnh vực thi ca, âm nhạc, điện ảnh, hội họa và ngay cả trong kinh sách (kinh Vu Lan). Đó là câu chuyện về người mẹ luôn có sự bắt đầu và không bao giờ kết thúc; vì thật ra, có ngôn từ nào ở trần gian này diễn tả cho hết được tình thương bao la, sự hy sinh vô bờ bến của người mẹ?

Mùa xuân năm 1998, khi tôi chập chững vào ngành học “giáo dục mầm non” trên đất Mỹ, một trong những lớp học đầu tiên tôi đã học là lớp “Human Being”. Ở lớp này, tôi được xem cuốn phim về sự hình thành và phát triển của một đứa bé từ thời kỳ phôi thai cho đến tám tuổi. Đây là một cuốn phim khoa học rất hay, có lẽ nhóm làm phim đã đặt một máy thu hình nhỏ xíu trong cơ thể người mẹ để ghi lại sự kết hợp khởi nguồn giữa cha và mẹ, tạo thành giọt máu rồi giọt máu ấy lớn dần từng ngày, từng tuần, từng tháng đến khi thành hình với đầy đủ mặt mũi chân tay để chào đời. Trong phim có chiếu cận cảnh sanh nở của ba bà mẹ trẻ với ba trường hợp khác nhau; trường hợp thứ nhất là sanh thường, thứ hai là sanh ngược và thứ ba là sanh mổ. Lần đầu tiên tôi được thấy tận mắt cảnh sinh con, chỉ mới nhìn khuôn mặt đau đớn của người mẹ sanh thường thôi, tự dưng nước mắt tôi chảy ra dàn dụa, tôi nghĩ ngay đến mẹ tôi đã trải qua mười lần trên bàn sanh. Sự xúc động đã làm tôi không thể ghi chép được đặc điểm nào trong phim vào sổ tay. Mắt tôi cứ trợn to lên để nhìn rõ từng chi tiết diệu kỳ mà Thượng Đế đã ban cho người đàn bà thiên chức làm mẹ. Giờ đây đã mười mấy năm trôi qua, hình ảnh sanh nở kia vẫn còn hiển hiện trong ký ức tôi mỗi khi tôi được đọc hay

được nghe bất cứ câu chuyện nào về tình mẹ, càng cảm thấy nặng lòng thương nhớ mẹ tôi nhiều hơn và còn thương cho tất cả những người mẹ trên cõi đời này.

Mẹ tôi là hình ảnh chung của những bà mẹ Việt Nam trong hoàn cảnh phải thay chồng nuôi dạy con một mình giữa cuộc đời khốn khó, thê lương. Mẹ đã lặn lội thân cò một sương hai nắng, chịu đựng bao gian khổ nhọc nhằn mong kiếm được miếng cơm cho các con. Mặc dù sự cố gắng của mẹ tôi chỉ kéo dài có bảy năm ngắn ngủi rồi mẹ ngã bệnh và kiệt sức buông tay, nhưng sự cố gắng ấy thật can đảm, thật tuyệt vời trong thời gian chúng tôi thiếu vắng tình cha. Bảy năm tưởng ngẩn lại hóa dài dằng dặc trong sự chờ đợi mỗi mòn ngày trở về của cha tôi từ trại tù cải tạo. Bảy năm lê thê trên suốt con đường chạy đua tìm sự sống trong nỗi chết lẩn lờn bao tử nhục. Sự tử nhục bắt đầu từ những ngày mẹ tôi tập tễnh vào nghề buôn bán với một thúng tôm khô nhỏ. Mẹ phải chịu nghe những lời xỉ vả, chửi thề, xô đẩy từ những người bán hàng lân cận để cố tìm một chỗ ngồi bán chật hẹp. Chen chân vào môi trường buôn bán tạp nham, cạnh tranh, không một chút kinh nghiệm, lại thêm bản tính hiền lành nên ngày theo ngày mẹ tôi đã bị thất bại đến kiệt quệ vốn liếng. Khó khăn từ sự thất bại vẫn không làm cho mẹ tôi nản lòng phải chịu đầu hàng cuộc sống một cách dễ dàng khi mười miệng ăn đang chờ mẹ từng ngày... Mẹ tôi đã xoay sở bằng đủ mọi cách chống chọi với cơn đói lúc nào cũng tấn công chúng tôi. Mẹ vận dụng tài may vá, thêu đan xin vào làm việc ở một hợp tác xã may mặc, ngoài giờ làm việc mẹ tôi nhận đồ đan len thêm. Công việc này như thích hợp với mẹ tôi hơn nhưng không phải là không có những đắng cay tiếp nối.

Tôi còn nhớ những ngày cận Tết cuối năm 1976, năm tôi đang theo học lớp 12, cũng là năm học tôi bị khủng hoảng tinh thần nhiều nhất. Do nhìn thấy nỗi vất vả của mẹ với sự thiếu thốn ngày càng trầm trọng trong gia đình, tôi không chịu nổi những cơn đói đến hoa mắt, run rẩy chân tay nên tôi luôn đòi nghỉ học để đi làm, mặc cho mẹ tôi khuyên ngăn nhiều lần tôi vẫn bướng bỉnh không nghe. Rồi một ngày cuối năm, chiều theo ý

muốn của tôi, mẹ dắt tôi vào hợp tác xã may mặc để phụ việc với tổ làm khuy áo. Lúc đó, tôi đã không hình dung ra được sự khó khăn muôn mặt của trường đời, càng không biết đo lường khả năng của chính mình là đưa con gái không tháo vát, thiếu lanh lẹ, có tính tự ái vặt. Trong ngày đầu đi làm, tôi đã chẳng giúp được mẹ tôi điều gì hữu ích mà chỉ gieo thêm phiền não cho mẹ vì sự nông nổi của tuổi trẻ. Khi tôi thấy bà tổ trưởng tổ hợp may ném một đồng quần áo bị trả lại vào mặt mẹ tôi với giọng chì chiết:

- Bà coi đi nè, kiểm hàng cái kiêu gì vậy hả? Lương tháng nào cũng đòi mượn trước mà làm thì không ra hồn gì hết, để hàng bị trả lại cả đồng như vậy, coi có được không?

Tôi tức giận trước hành động của bà liền quăng cái áo đang làm khuy dở xuống sàn nhà và đứng bật dậy thu hết can đảm nói một hơi:

- Cô làm gì mà liệng đồ vô mặt mẹ cháu dữ vậy. Hàng may sai đâu phải tại lỗi một mình mẹ cháu...

Bà ta chồm lên cướp lời tôi:

- Ê, mày là cái thá gì trong này chứ, đừng có dở cái giọng hỗn láo ra ghen. Có giỏi thì đi làm mướn nuôi mẹ mày đi, ở đó mà hạch sách người lớn.

Ngọn lửa tức giận trong người tôi bùng thêm lên, tôi nói lớn:

- Cháu không biết ai hỗn hơn ai, nhưng cháu chưa bao giờ liệng đồ vô mặt người lớn như cô. Cháu chỉ muốn nói đến cách cư xử giữa người với người thôi...

Tiếng bà ta gầm lên cắt đứt câu nói của tôi:

- A, con ranh con dạy đời tao đó hả?

Cùng một lúc tiếng mẹ tôi quát tôi:

- Lý, có cậm mồm đi không. Thôi về đi, không cần mày phụ nữa. Đi về. Đi ngay.

Vừa nói, mẹ kéo tay tôi đẩy mạnh ra cửa, tôi nghe tiếng bà tổ trưởng ong óng phía sau:

- Từ rày về sau tôi không muốn bà đưa đứa con nào vô đây phụ hết. Làm không tăng năng suất được bao nhiêu mà còn hư hàng thêm nữa.

Con tức giận của tôi chưa nguôi được nhưng biết không thể nói gì hơn, tôi đành bước ra cửa trong nỗi hậm hực. Trên đường về nhà nghe tiếng pháo nổ rì rào xa xa đâu đó, tôi

tưởng như từng tiếng đập vào lòng tôi đau buốt, thêm xót xa cho mẹ và cho cả gia đình tôi giữa cảnh khốn khổ. Tôi cảm thấy mình vô tích sự và bất lực làm sao!

Hôm đó mẹ tôi về nhà rất trễ trông mẹ thật mệt mỏi, tóc tai bờ phờ rũ rượi, tôi biết mẹ tôi rất đói. Nghe tiếng mẹ thở dài nảo ruột, tôi đoán chắc là bà tổ trưởng không cho mẹ tôi mượn lương trước rồi! Nghĩ đến hành động của mình lúc sáng đã không kiểm chế được sự tức giận đi tranh cãi với bà tổ trưởng làm lỡ mất cơ hội giúp mẹ, còn mất luôn khoản lương lẽ ra bà ứng trước cho mẹ tôi để chi tiêu. Tôi hối hận. Tôi giận tôi ngu ngốc. Tôi tức tối bà tổ trưởng tàn nhẫn đã làm gia đình tôi xơ xác trong lúc Tết đang kề cận. Ôi cái Tết thứ hai sau ngày hòa bình không có cha tôi sao khổ quá! Hương vị Tết của những ngày mẹ tôi bận rộn làm kiệu, muối dưa, làm giò thủ, sên mứt, gói bánh chưng đang chết dần theo thời gian.

Tôi ngập ngừng hỏi mẹ chuyện chỗ làm, mẹ tôi nhỏ nhẹ nói:

- Con thấy rồi đấy, đi làm kiếm cơm không phải dễ, bởi vậy mẹ không bao giờ muốn con bỏ dở việc học để đi làm. Ráng học lên con ạ, có chữ nghĩa, có nghề chuyên môn không ai bắt nạt mình được.

Câu nói dịu dàng như một tia sáng soi vào tâm tư u tối của tôi giữa sự chán nản tuyệt vọng. Tia sáng đã thực sự làm tôi thức tỉnh nhận ra rằng, tôi không thể ra đời làm việc lúc này khi tôi chưa đủ khả năng và bản lĩnh để đối đầu với mọi điều phức tạp trong cuộc sống. Nghĩ đến cách hành xử của bà tổ trưởng đối với mẹ tôi lúc sáng tôi chột ứa nước mắt uất ức, và rồi tôi bỗng thấy mình như mạnh mẽ hơn với quyết tâm cố gắng học hành để kiếm được một việc làm tốt đỡ đàn cho mẹ. Tôi không muốn nhìn thấy cảnh mẹ tôi bị hà hiếp trong cái hợp tác xã may mặc ấy nữa. Tết năm ấy là những ngày bình thường trong gia đình tôi, mẹ cũng lo được cho chúng tôi một bữa cơm trắng với muối ớt là niềm hạnh phúc lớn lắm.

Rồi những cái Tết cơ hàn theo nhau đến hành hạ chúng tôi nhiều hơn trong sự thiếu thốn, đầy lo lắng cho căn bệnh bệnh nan y đang hoành hành trong cơ thể mẹ. Với tôi, Tết chẳng còn ý nghĩa gì nữa!

Mùa xuân năm 1983, gia đình tôi chưa kịp vui hết những ngày xuân đoàn tụ trong năm cũ thì mẹ tôi đã ra đi...

Bao mùa xuân trôi qua tuổi đời thêm chồng chất, tôi đang già theo năm tháng, sức khỏe cũng đang trên đà suy yếu. Tôi thường dặn mình phải cố quên mọi chuyện cũ để lòng được thanh thản, bình an. Nhưng sao mỗi lần xuân đến, sự cô đơn, trống trải giữa cảnh trời đông tuyết trắng nơi xứ người, vẫn gọi cho tôi nhớ về một vùng trời kỷ niệm xuân vui, có cha mẹ, có anh em bên nhau. Tôi nhớ hương vị thơm ngon của bánh chưng, của các loại mứt, màu sắc của hoa trái, âm thanh lạch tạch rộn rã của pháo, mùi nhang trầm tỏa ngát đêm giao thừa trang nghiêm. Tôi nhớ mẹ tôi, nhớ bao chuyện buồn về những ngày xuân đau thương cũ. Dù là xuân buồn hay vui trong bất cứ hoàn cảnh nào mẹ tôi vẫn cố gắng đem lại cho các con mình một niềm hy vọng kiên trì vào học vấn. Đó cũng là những mùa xuân tươi sáng cho một tương lai thành đạt mà mẹ luôn mơ ước.

Nhớ lại đoạn đường chông gai mẹ tôi đã đi qua, tôi đã từng giả sử nếu như trong đời sống hiện giờ trên đất nước tự do này, tôi phải nuôi mười đứa con có sự giúp đỡ tận tình từ chính phủ cho những gia đình nghèo, đông con. Tôi vẫn không chắc là tôi có thể gánh vác nổi trách nhiệm một người mẹ nuôi con đơn độc. Chính những lúc nghĩ như thế, tôi không khỏi ngậm ngùi và thán phục mẹ tôi nói riêng, cùng tất cả những người mẹ đông con trên cõi đời này nói chung, đã một đời tận tụy hy sinh lo cho chồng con tiến bước đến một mùa xuân rạng rỡ.

Người mẹ đã dệt nên mùa xuân rất đẹp bằng muôn sắc hoa tươi từ tấm lòng từ bi, nhân hậu. Mẹ và mùa xuân là hai hình ảnh tuyệt vời không bao giờ tách rời trong tâm não tôi.



**Thiên Lý**

## Bố Về Trong Mơ

Đêm qua mơ thấy bố về  
Tay run rẩy chống gậy lê bước buồn  
Ngoài trời màn tối đã buông  
Trăng theo ngọn gió nhẹ luồn qua song.

Bố nhìn lên ánh trăng trong  
Mơ màng, làm bầm sao lòng nhớ quê  
Ngày qua với những cơn mê  
Lạc vào ác mộng bốn bề đau thương.

Bố tìm mẹ khắp phố phường  
Mà sao chỉ thấy con đờng khói bay  
Gián nan khổ lụy giàng đây  
Bố lo lắng hỏi: "Mẹ mày nơi đâu?"

Con nói: "Mẹ mất đã lâu"  
Bàng hoàng bố khóc: "Nào đâu biết gì!!"  
Ai gây ra cảnh chia ly?  
Phu thê từ biệt ngay khi sum vầy.

Đón đau theo tháng, theo ngày  
Bước chân mỏi mệt, thân gầy xanh xao  
Bố đi đến tận phương nào  
Mây xa trắng một cõi vào thiên thu.

Sương đêm lồi phủ mịt mù  
Lần theo nhịp mõ về từ xa xăm  
Gạt lệ trên mắt quàng thâm  
Vẫy tay bố bảo: "Giờ thăm hết rồi!  
Con về vui với nghiệp đời  
Chu toàn trách nhiệm, làm người hiền lương."

Bố lão đảo giữa màn sương  
Mờ dần trong khoảng cách dường như xa  
Con nhìn theo, mắt lệ nhòa  
Giật mình gọi bố... chỉ là... giấc mơ.

Thiên Lý





Tôi muốn nhắc đến bà ngoại tôi, như tất cả những cụ bà đầu đã khuất núi, hay còn sinh tồn trên quê hương chúng ta, hoặc còn đang ở nơi nào đó khắp toàn cầu, đều là hình ảnh chung về một bà mẹ Việt Nam của thế hệ trước đã một đời tận tảo, cực nhọc, tận tụy, hy sinh cho chồng con.

Bà ngoại tôi sinh trưởng ở Bắc Ninh, bà có hai đặc điểm khác biệt ai gặp một lần rồi cũng nhớ mãi: đó là hàm răng đen nhánh và mái tóc trắng như bông. Có lẽ do ăn chay trường từ năm bà 36 tuổi, nên bà có được một làn da hồng hào tự nhiên khiến cho mọi người quen xa gần đều khen bà là “đẹp lão”. Bà không vắn khấn như bà nội tôi mà lại búi tóc như những bà cụ miền nam. Tôi không nhớ rõ sự hiện diện của bà trong gia đình tôi từ lúc nào mà suốt thời thơ ấu, tôi đã luôn có bà bên cạnh. Bà là cô giáo đầu tiên dạy cho tôi những bài ca dao; những bài hát; và những chữ a, b, c trước khi tôi bắt đầu đi

học. Bà giống như người bạn nhỏ đã cùng chơi và cùng dẹt với tôi lên khung trời thơ ấu xanh tươi bao nhiêu là kỷ niệm đẹp đẽ trong sáng. Những kỷ niệm đã luôn gọi cho tôi một cảm giác nôn nao, xúc động, hào hứng mỗi khi tôi có dịp kể về những ngày xưa cũ vô tư, khờ dại ấy.

Vào những đêm trăng sáng, tôi hay ngồi ngắm trăng với bà để được nghe sự tích chị Hằng Nga và chú Cuội, dù đã nghe rất nhiều lần tôi vẫn không bao giờ thấy chán. Tôi cứ mơ tưởng đến bóng chị Hằng Nga thật đẹp bên cạnh chú Cuội tội nghiệp phải xa nhà. Có khi bà còn tặng sự tưởng tượng cho tôi bằng cách bảo tôi vào lấy một thau nước trong để dưới bóng trăng; chờ một lát sẽ thấy hình chú Cuội và chị Hằng nổi trong thau nước. Tôi háo hức làm theo lời bà và chờ mãi... Bà bảo phải kiên nhẫn xoay thau nước theo bóng trăng thì mới thấy được, nhưng khi tôi bước đi trăng cũng đi nên tôi không thể canh thau nước chính xác dưới bóng trăng để thấy chị Hằng và chú Cuội, thế là tôi hờn dỗi khóc, bà ngâm liền mấy câu thơ về chú Cuội để dỗ dành tôi như:

*“Chú Cuội ngồi gốc cây đa,  
Bỏ trâu ăn lúa gọi cha ờ ời  
Cha còn cắt cỏ trên trời  
Mẹ thì cười ngựa đi mời quan viên.”*

Tôi rất thích nghe bà ngâm thơ và đọc ca dao, bà tôi thường ngâm thơ theo điệu Sa Mạc, thỉnh thoảng bà cũng có dạy tôi hát điệu Quan Họ Bắc Ninh, nhưng tôi chưa bao giờ hát theo bà được vì điệu hát ấy có nhiều chỗ ngân í... a... rất khó cho giọng trẻ thơ của tôi. Một trong những bài ca dao tôi đã được nghe bà ngâm qua và cũng là bài tôi thích nhất cho đến bây giờ, đó là bài có những câu:

*“Đêm qua ra đứng bờ ao,  
Trông cá cá lặn, trông sao, sao mờ.  
Buồn trông con nhện giăng tơ,  
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai.”*

Bà tôi thuộc rất nhiều truyện thơ, nào là **Nhị Độ Mai**, **Cung Oán Ngâm Khúc**, **Chinh Phụ Ngâm**, truyện **Kiều** và một

truyện thơ mà bà thường xuyên đọc và giảng giải cho tôi nghe đó là truyện **Bản Nữ Thân**, là lời than trách cho thân phận nghèo của một người con gái có tài sắc, tôi vẫn còn nhớ vài câu như:

*“Kiếp phù thế nhân sinh thâm thoát  
Vì chữ nghèo nên ngắt chữ duyên  
Ai làm số phận xui nên  
Há thua sắc thắm, há hèn màu tươi.”*

Từ truyện thơ ấy, bà còn kể thêm cho tôi biết nhiều nỗi gian truân của phận làm con gái trong thời chinh chiến. Vào thời Tây đô hộ Việt Nam, mỗi lần lính Tây Lê Dương đi xét nhà để lòng Việt Minh thì nhà nào có con gái cũng phải chui vào tú hay vào rương trốn để tránh bị hãm hiếp. Trong làng xã, lại có những luật rất hà khắc, tàn ác đối với người con gái nào lỡ dại có bầu lúc chưa cưới xin. Người làng gọi người con gái đó là đồ “chửa hoang”, là con gái “hu” phải đem ra cho làng trừng phạt bằng cách cạo tóc và bôi vôi lên đầu, còn đem người con gái ấy cột vào cái bè rồi thả ra sông cho trôi đi. Khi kể đến đó, bà hay thở dài và kết luận “Làm thân con gái thời bà khổ lắm! Phải giữ gìn thân mình từng ly từng tí để không bị tai tiếng cho gia đình, cho bản thân”. Nghe bà nói thế, tôi cũng muốn chảy nước mắt theo bà, tôi hỏi:

- Bà ơi, sao người ta ác với con gái quá vậy bà? Con trai hu thì có bị làng phạt không bà?

Nhẹ nhàng vuốt tóc tôi bà bảo:

- Không đâu cháu ạ, làng chỉ phạt con gái hu thôi, còn con trai thì không việc gì phải phạt, nó có tự do hơn con gái, nó không cần phải giữ gìn gì cả.

Tôi lại hỏi:

- Tại sao con trai lại không cần giữ gìn hả bà?

Bà cốc nhẹ đầu tôi nói: “Không hỏi vợ vẫn nữa, lớn lên rồi cháu sẽ hiểu tại sao.”

Tôi cũng thích nhất là những ngày cận tết được ngồi nấu bánh chưng bên bà và nghe bà kể về những tục lệ xa xưa ở thôn quê miền Bắc, những ngày hội hè trai gái trong làng đi hát Trống Quân, những phong cảnh quê hương miền Bắc qua từng mùa.

Chùa Hương vào ngày hội tết, người người đến viếng chùa thật đông vui, chùa có đường dẫn lên thiên đài, có ngõ tối đi xuống địa ngục. Cảnh đẹp mùa xuân ở hồ Hoàn Kiếm, những chiều hè oi bức ở quê, các bà, các cô ngồi xay lúa tán chuyện. Sang mùa đông giá rét, đặc biệt là rét nằng Bân với những cơn mưa phùn lạnh lẽo... Tất cả đều hiện lên trong ánh mắt xa xăm, nhưng nhớ, còn chất chứa một ước mơ sẽ có ngày bà được trở về thăm làng quê Bắc Ninh yêu dấu. Kinh nghiệm sống của bà qua từng thời kỳ lịch sử cũng lần lượt đi vào trong ký ức tôi. Thời Nhật tiến quân vào Việt Nam bắt dân phải trồng đay thay lúa nên đã xảy ra nạn đói năm 1945. Thời đấu tố địa chủ do Việt Minh khởi xướng khi họ chiếm miền Bắc. Rồi ngày ký hiệp định chia đôi đất nước, bà theo ông ngoại di cư vào miền Nam...

Ngoài những câu chuyện về lịch sử, bà còn cung cấp cho tôi nhiều mẹo vặt chung quanh việc bếp núc. Thuở ấy, tôi rất vụng về, nấu nướng thì tôi thường bị bỏng và cắt gọt thì hay bị đứt tay. Những khi tôi bị chảy máu, bà dạy tôi cầm máu bằng cách đắp dầu hôi lên tay hay đắp lá sống đời đã giã nát, máu sẽ cầm ngay. Một ngày nọ, tôi gọt trái su su bị nhựa dính đầy tay rất khó chịu. Tôi than phiền với bà. Bà bảo tôi thọc tay vào lu gạo và xoa thì sẽ hết. Bà dặn thêm lần sau gọt trái su nhớ để thau nước nhúng tay vào thì sẽ không bị nhựa dính. Mỗi khi tôi giúp mẹ làm cá xong, rửa tay mãi mà vẫn còn tanh cá, tôi lại tìm đến bà để hỏi cách chữa. Bà lấy bã cà phê xát vào tay tôi để một lát mùi tanh đã bay mất. Vào những ngày chuẩn bị Tết, mẹ tôi thường sai tôi chùi lu đồng. Lúc nào bà cũng lấy cho tôi một thau tro để chùi lu rất sáng. Bà còn dạy tôi cách nhóm lửa bằng bếp củi, bếp than sao cho bếp mau bắt lửa. Tôi thật khâm phục bà và xem bà như một thần tượng, vì có vẻ như cái gì bà cũng biết, chuyện khó đến đâu mà hỏi bà đều trở thành dễ dàng cả.

Sau này khi tôi lớn lên một chút, tôi mới biết bà còn có biệt tài coi chỉ tay và xem tướng. Có một lần tôi nghe bà bảo, trước khi gả mẹ tôi cho bố tôi, bà đã xem chỉ tay của bố. Bà biết chắc bố tôi là người rất đạo đức, mẫu mực, học vấn khá lại có

số đi xuất ngoại đến hai lần nên bà đã nhất định chọn bố làm con rể mặc cho mẹ tôi không chịu. Bà còn tiên đoán rằng tất cả chúng tôi đưa nào hậu vận về sau cũng khá, có xe hơi, nhà cửa đàng hoàng. Lúc ấy tôi còn quá trẻ nên không để ý đến lời bà đoán là đúng hay sai. Bây giờ sau mấy chục năm ngồi nhớ lại, tôi mới thấy bà tôi nói đúng. Bố tôi đã đi nước ngoài hai lần, một lần đi du học ở Pháp năm 1952, một lần đi qua Mỹ theo diện H.O. năm 1995. Cuộc sống của chị em tôi “xuất ngoại” theo bố có phần tương đối khá hơn, đưa nào cũng phải có nhà để ở và có xe hơi để đi làm. Điều mà trước đây khi còn ở quê nhà, chúng tôi không bao giờ tin được sẽ có ngày mình có được nhà riêng và xe hơi. Cũng trong những năm tháng ấy, tôi đã biết thêm về sự có mặt của bà trong gia đình tôi là một công lao to lớn không tài nào tả cho hết được.

Sau khi ông ngoại tôi mất; mẹ muốn bà tôi về ở với chúng tôi để mẹ tôi có thể chăm sóc bà dễ hơn. Nhưng mẹ tôi đã không có thì giờ lo cho bà như mẹ mong ước vì mẹ tôi còn có chúng tôi, mười đứa thi nhau ra đời năm một. Bà ngoại tôi thì ở trong cảnh “con một cháu đàn” nên bà phải phụ với mẹ lo chăm sóc chúng tôi. Những năm kinh tế khó khăn, tiền lương của bố tôi không đủ chi tiêu trong nhà đã làm cho mẹ tôi sa vào con đường nợ nần, túng bần. Sợ bố tôi biết chuyện nợ nần của mẹ rồi trong nhà lại xảy ra sự xung đột cãi vã không vui (bố tôi là người thanh liêm, cương trực rất ghét chuyện vay mượn). Bà tôi đã phải âm thầm bán đi căn nhà của ông tôi để lại, trả nợ nần cho mẹ. Bà chưa bao giờ sắm sửa thứ gì cho riêng bà, chỉ một mơ ước duy nhất là bà sẽ sắm một xâu chuỗi tràng bằng hạt Bồ Đề, để bà lần tràng mỗi tối mà cho đến lúc bà tôi mất, mơ ước đó cũng chưa thực hiện được.

Bà tôi chẳng có được một ngày vui an hưởng tuổi già. Ngày Tết, bà không hề bước chân ra đường để đi chùa hay đi chơi với các cụ bạn. Suốt ngày bà chỉ quanh quẩn ở nhà bên các cháu, và lúc nào cũng bận rộn với bao công việc nội trợ. Mỗi khi mẹ tôi sanh em bé, bà lại càng bận hơn, bà lo nấu ăn cho mẹ con chúng tôi, bà quạt than nóng để mẹ tôi sưởi, nấu nước cho mẹ tôi xông, mài nghệ cho mẹ tôi xức... Bà đảm đương hết mọi công việc trong nhà suốt thời gian mẹ tôi nằm cữ.

Tháng Tư Đen ủa đến với một nền hòa bình thảm thiết. Câu nói đầu tiên của bà cùng tiếng thở dài não nuột đã vẽ ra một bầu trời ảm đạm của sự đói nghèo: “Giời ơi, rồi sẽ còn khổ nữa, sống với Việt Minh thì khổ triền miên. Mai mốt này chúng mày sẽ phải đi họp thanh niên mỗi tối, còn nhảy “son đồ mi” nữa cho mà xem.” Và, quả thực như lời bà tôi nói, sau hai tháng đầu của ngày mất miền Nam, tối nào tôi cũng “bị” gọi đi họp tổ thanh niên trong phường để nghe tuyên truyền về cuộc chiến thắng chống Mỹ vĩ đại của Đảng Cộng Sản, và một kế hoạch xây dựng đất nước cho tương lai, rồi tập hát những bài hát ca ngợi Đảng và nhảy “Son Đồ Mi”.

Ngày hòa bình thống khổ đã chia cắt bao nhiêu gia đình quân nhân trong đó có gia đình tôi. Rồi bỏ ngôi nhà thân yêu ở Đà Lạt với hai mẫu đất trồng bắp và hồng đang đến mùa sung mãn, cũng là hoa lợi vườn tược cuối cùng mà bố tôi dành dụm cho ngày giải ngũ để có tiền nuôi chúng tôi lên đại học. Đành mất! Gia đình tôi chạy về Sài Gòn ở nhờ nhà một người bà con bên bà ngoại. Bố tôi bị lệnh đi tù cải tạo, mẹ tôi gánh vác trách nhiệm thay bố nuôi chúng tôi và bà ngoại. Cả hai bà mẹ đã tàn tạ rất nhanh sau một năm bươn chải với cuộc sống cơm áo, gạo tiền cho con, cháu.

Tóc bà tôi rụng nhiều, búi tóc của bà khi xưa to như quả cam, dần dần còn như quả chanh, và rồi nhỏ lại như củ tỏi. Da bà không còn hồng hào, bà ngày càng xanh xao, hốc hác. Tuy bà không làm ra tiền nhưng bà có công lao giúp mẹ tôi giữ tiền và chi tiêu cần kiệm. Bà tôi hay lượm lặt những đồ phế thải như báo cũ, tập vở học trò, thau bể, xô nứt, v.v. để bán ve chai lấy tiền dành dụm phòng khi có việc cần phải dùng đến. Vào những ngày mẹ tôi không kiếm ra tiền thì bà tôi lại dùng tiền dành dụm đó để mua gạo cho chúng tôi. Nếu mẹ tôi không có sự giúp sức của bà trong những năm tháng cơ cực ấy, chắc chúng tôi sẽ còn khổ hơn nữa. Tôi đã học được bài học tiết kiệm này từ nơi bà.

Từ ngày bố tôi ra đi, bà tôi đếm từng ngày, từng tháng, bà còn nhớ rất rõ ngày bố tôi bắt đầu đi tù là nhằm ngày Tết Đoan Ngọ. Cứ đến ngày ấy bà lại nhắc đến bố tôi trong nước mắt:

“Thêm cái tết Đoan Ngọ thứ hai, rồi thứ ba, đến thứ tư, sang thứ năm, lại thứ sáu... Ấy thế mà bố mày vẫn chưa về...” Sự trông ngóng mỏi mòn của bà, nỗi lo lắng cho các cháu, lòng thương con vô bờ đã làm bà thêm tiêu tụy.

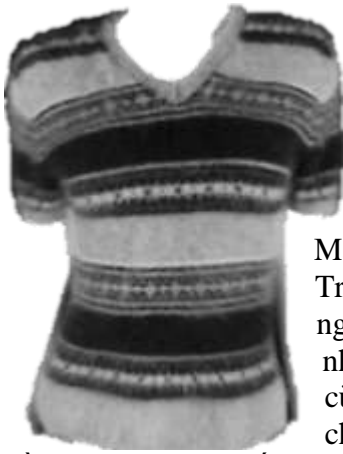
Rồi một ngày bà tôi ngã bệnh, bà bị sốt thương hàn. Con sốt đã kéo bà tôi đi thật nhanh đến độ bà không kịp nhắm mắt. Bố tôi vừa về kịp lúc để cùng mẹ lo một đám tang nghèo cho bà. Sau đó vài tháng, vì thương nhớ bà nhiều quá, vì thiếu ăn, thiếu thuốc men, thêm căn bệnh ung thư hành hạ cơ thể mẹ suốt mấy năm đã kéo mẹ tôi theo bà. Chỉ trong vòng một năm sau ngày bố tôi trở về, gia đình tôi đã phải đeo hai lần tang: tiễn đưa bà và mẹ.

Tôi không sao quên được những ngày tháng đau thương, khôn khổ đã đè nặng trên vai cả hai bà mẹ, bao nhiêu là nỗi lo sinh kế trong con cùng cực. Tôi nhớ như in thân thể gầy còm của bà tôi như một bộ xương khô trước giờ liệm xác, đôi mắt buồn đau chưa thể khép hẳn cho dù tất cả chúng tôi đã thay phiên nhau đưa tay vuốt mắt bà. Còn mẹ tôi thì mắt đã nhắm mà nước mắt mẹ vẫn chưa khô... Càng nhớ, lòng tôi càng thêm đau xót, tim tôi như nghẽn lại, nước mắt tôi rơi, tay tôi run run. Tôi không thể tả hết được bao nỗi cay đắng mà bà và mẹ tôi đã phải chịu đựng sau những năm tháng hòa bình đen tối để cho chúng tôi có được một cuộc đời tươi sáng như hôm nay.

Bà ơi, cháu xin gửi đến bà những giòng chữ này như một nén hương lòng tưởng niệm về một người bà tuyệt vời đã tận tụy, hy sinh cả đời mình bên con cháu và cũng là một người mẹ giản dị, hiền hòa, nhẫn nại. Bây giờ cháu có thể mua cho bà không chỉ một xâu chuỗi hạt Bồ Đề, mà còn nhiều xâu chuỗi nữa, nhưng bà đã không còn trên thế gian này để cho cháu được trân trọng mang xâu chuỗi đến biếu bà.

Cháu cầu mong ở một nơi nào đó rất bình an trên miền Cực Lạc, bà vẫn nhìn thấy được tấm lòng của các cháu luôn nhớ về công ơn của bà với một nụ cười hài lòng, đôn hậu.

## Thiên Lý



# Chiếc Áo Len Xanh

Mấy hôm nay chiều nào cũng mưa. Trời u buồn nhuộm một màu xám ngoét ẩm ướt giá băng. Tôi nhìn những hạt mưa rơi ngoài thềm nhà cùng âm thanh lộp bộp trên mái, chạnh lòng nhớ đến những ngày mưa dầm ở Đà Lạt. Lúc ấy, tôi hãy còn nhỏ mà đã cảm nhận được cái buồn tê tái khi ngồi nhìn mưa. Mưa không to nhưng cứ dai dẳng mãi, làm lầy lên những con đường đất đỏ trơn trượt. Đi học vào mùa mưa ở Đà Lạt thật là khổ. Vậy mà cha tôi vẫn phải đội mưa đi làm suốt ngày. Nhắc đến cha, một kỷ niệm nhỏ lại hiện về trong tôi thật êm đềm, tha thiết...

Vào một ngày mưa năm 1968, cha tôi đi làm về trong bộ đồ ướt đẫm, báo cho mẹ tôi biết lệnh thuyền chèo cha sẽ lên Đà Lạt làm việc ở trường Võ Bị. Mẹ tôi đã thức rất khuya hàng đêm để đan cho cha tôi một chiếc áo len màu xanh dương tươi, cổ chữ V và cộc tay. Phía sau thân áo mẹ tôi đan trơn, còn phía trước mẹ đan kiểu võ na, trông nổi bật từng mắt na tròn xanh viền trắng rất đẹp. Trong suốt thời gian gia đình tôi sống ở Đà Lạt, tôi chưa bao giờ thấy cha tôi mặc chiếc áo len này vì cha thường phải mặc quân phục đi làm. Chiếc áo len vẫn treo trong tủ áo của cha tôi hết năm này qua tháng nọ.

Tháng Tư năm 75, kinh hoàng ập đến, gia đình tôi di tản về Sài Gòn bỏ lại tất cả, riêng cha tôi chỉ mang theo chiếc áo len xanh duy nhất. Rồi cha tôi bị tù đày lại chẳng có dịp nào để mặc nó, chiếc áo vẫn nằm yên trong ngăn tủ. Đôi lúc, tôi bắt gặp một thoáng buồn trên đôi mắt mẹ tôi khi bà ngắm nghía chiếc áo len rồi thờ dãi. Trong những năm vắng cha, mẹ tôi



một mình xóc vác bao nhiêu cơ cực để nuôi chúng tôi. Mẹ phải xoay đủ mọi nghề để có tiền mua gạo. Đồ đạc trong nhà từ từ bán sạch, và rồi đến cả quần áo, giày dép. Cuối cùng khi đã kiệt quệ đồ đạc để bán, mẹ tôi nhận đồ đan len cho khách và chuyên sang mua bán các loại áo len cũ. Chiếc áo len xanh của cha tôi là một trong những chiếc áo len được đem ra làm hàng kiêu mẫu. Đã có mấy người khách hàng rất thích chiếc áo len này và họ có hỏi mua, nhưng mẹ tôi vẫn nhất định không bán nó.

Khi cha tôi trở về sau bảy năm tù khổ nhục, mẹ tôi ốm nặng và qua đời. Cha lại tiếp tục gánh vác trách nhiệm để nuôi chúng tôi. Chiếc áo len vẫn cứ nằm buồn tẻ trong ngăn tủ ở một chỗ cố định không dời đi đâu.

Ngày gia đình tôi rời Việt Nam để đi Mỹ theo diện H.O. Cha tôi sắp xếp quần áo của cha vào vali, và giống như hồi đi tản năm 75, cha tôi đã không quên xếp theo chiếc áo len xanh ấy.

Những ngày đầu tiên trên đất Mỹ, chúng tôi được biết đến khí hậu vào thu là như thế nào khi nhìn lá trên cây đã bắt đầu thay màu xanh úa. Ban ngày mặt trời chỉ soi nắng ấm đến giữa trưa rồi nắng bỏ đi rất sớm, kéo hơi lạnh về khô buốt. Chiếc áo len xanh đã được cha đem ra mặc trong những chiều thu lạnh... Rồi cũng bắt đầu từ ngày ấy, cha tôi không bao giờ rời chiếc áo đó nữa, dù mùa nóng hay mùa lạnh. Những người đồng hương đến thăm gia đình tôi ai cũng tưởng cha tôi chỉ có mỗi một cái áo len xanh này mà thôi. Họ đem đến cho cha tôi những chiếc áo len đẹp và dày. Tuy nhận cho vui lòng người có ý tốt, cha vẫn khẳng khẳng không mặc chiếc áo nào ngoài chiếc áo len xanh. Có lúc, chiếc áo đã cũ bản, màu trắng viền quanh gần như chuyển sang màu vàng, tôi nhắc nhở mãi cha tôi mới chịu thay ra để tôi đem giặt. Nhưng khi áo hãy còn nằm trong máy sấy, cha tôi đã hỏi bao lâu thì áo khô để cha mặc vào.

Nỗi cô đơn của cha tôi càng quạnh quẽ hơn trong những năm đầu ở đất Mỹ. Cha hay ngồi hàng giờ bên khung cửa sổ nhìn ra ngoài trời. Không biết cha tôi đã nghĩ gì? Lâu lâu lại giặt mình ngơ ngác hỏi: “Chúng nó đã đi làm về cả chưa?”

Có lần cha tôi nói với chúng tôi rằng: “Này, bố tưởng như vẫn có mẹ mày ở trong nhà đấy nhé!”

Tôi cười hỏi lại: “Bố thấy mẹ ở đâu?”

Cha tôi chỉ tay vào ngực áo: “Ồ trong áo này chứ ở đâu.”

Thì ra, cha tôi đã tưởng tượng chiếc áo len như bóng hình của mẹ kề cận bên cha hằng ngày, hằng năm, qua bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Đã nhiều lần tôi mơ ước phải chi mẹ tôi còn sống đến giờ này với cha tôi, chắc chắn là cha tôi sẽ không buồn như bây giờ. Và cả gia đình tôi sẽ có nhiều kiểu áo len từ bàn tay đan khéo léo của mẹ, chưa kể là có thêm đủ loại khăn quàng cổ.

Gần hai mươi năm trong cảnh gà trống nuôi con, cha tôi chưa bao giờ nghĩ đến một người đàn bà nào khác. Cha thường nhắc đến mẹ tôi mỗi khi thấy chị em tôi vụng về nấu đám giỗ, hoặc lúng túng, bàn cãi với nhau việc sắp xếp đồ ăn. Câu gắt gỏng quen thuộc vẫn là: “Gớm! Có một cái đám giỗ thôi mà bốn, năm đĩa chúng mày làm cứ y như là mổ trâu mổ bò. Hồi xưa, nhà có giỗ, có tiệc gì chỉ một tay mẹ mày thôi là xong tất cả.”

Có khi trong bữa cơm cha tôi mơ màng nói: “Này, mẹ mày làm thịt nướng ngon lắm nhé, không biết bao giờ mới được ăn lại món thịt nướng giống như mẹ mày làm.”

Nỗi nhớ thương mẹ tôi cùng với sự ám ảnh về những ngày tù tội ở quê nhà, đã làm cha thêm buồn rầu, héo hắt. Vì thế, chỉ sau ba năm ngắn ngủi trên đất Mỹ thôi, cha đã tìm về với mẹ

tôi trong chiếc áo len xanh mặc trên người. Chiếc áo đã không bị bỏ quên như tôi vẫn tưởng.

Chiếc áo len xanh, kỷ vật duy nhất của mẹ tôi để lại cho cha, gói trọn một tình yêu thương sâu xa nồng thắm.



**Thiên Lý**